

***BÀI TẬP:
SẮP XẾP CÂU
(THÊM DẤU CÂU):**

(1) 哪儿 现在 你 在
Nǎr xiànzài nǐ zài

(2) 来 你 哪儿 从
lái nǐ nǎr cóng

(3) 书 在 教 哪儿 你
shū zài jiāo nǎr nǐ

(4) 在 厕所 女 哪儿
zài cèsuǒ nǚ nǎr